

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng			% tổng điểm
			Số CH TL	Thời gian (phút)	Số CH TL	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH		Thời gian (phút)	
											TN	T L		
1	Vẽ kỹ thuật	Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật	2	1.5	1	1.5					3		3	7.5
		Hình chiếu vuông góc của khối hình học cơ bản	2	1.5	2	3					4		4.5	10
		Bản vẽ chi tiết	2	1.5	1	1.5					3		3	7.5
		Bản vẽ lắp	1	0.75	1	1.5					2		2.25	5
		Bản vẽ nhà	2	1.5	2	3	1	9			4	1	11.5	30
2	Cơ khí	Vật liệu cơ khí	3	2.25	3	4.5			1	6	6	1	12.75	25
		Một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay	4	3	2	3					6		6	15
Tổng			16(4đ)	12	12(3đ)	18	1(2đ)	9	1(1đ)	6	28	2	45	100

Tỉ lệ %	40%	30%	20%	10%	70	30		
Tỉ lệ chung %	70%		30%					

B. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

ĐẶC TẢ ĐỀ CUỐI HỌC KÌ 1
MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 8 CÁNH DIỀU, THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Vẽ kỹ thuật	<i>Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật</i>	Nhận biết: - Gọi tên được các loại khổ giấy. - Nêu được một số loại tỉ lệ. - Nêu được các loại đường nét dùng trong bản vẽ kỹ thuật. Thông hiểu: - Mô tả được tiêu chuẩn về khổ giấy. - Giải thích được tiêu chuẩn về tỉ lệ.	2	1		
		<i>Hình chiếu vuông góc của khối hình học cơ bản</i>	Nhận biết: - Gọi được tên các hình chiếu vuông góc, hướng chiếu. - Nhận dạng được các khối đa diện. - Nhận dạng được hình chiếu các khối tròn xoay. Thông hiểu: - Sắp xếp được đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của vật thể trên bản vẽ kỹ thuật.	2	2		
		<i>Bản vẽ chi tiết</i>	Nhận biết: - Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ chi tiết. Thông hiểu:	2	1		

			- Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản.				
		<i>Bản vẽ lắp</i>	Nhận biết: - Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ lắp. Thông hiểu: - Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản. - Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ lắp. - Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ nhà đơn giản. -	1	1		
		<i>Bản vẽ nhà</i>	Nhận biết: - Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ nhà - Kể tên các bước đọc bản vẽ nhà. - Nêu được nội dung và công dụng của bản vẽ nhà. - Nhận biết được kí hiệu quy ước một số bộ phận của ngôi nhà. Thông hiểu: - Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ nhà đơn giản. Vận dụng: - Đọc được bản vẽ nhà đơn giản theo đúng trình tự.	2	2	1	
2	Cơ khí	<i>Vật liệu cơ khí</i>	Nhận biết: - Kể tên được một số vật liệu thông dụng. Thông hiểu: - Mô tả được cách nhận biết một số vật liệu thông dụng. Vận dụng: Nhận biết được một số vật liệu thông dụng.	3	3		1
		<i>Một số phương</i>	Nhận biết: - Kể tên được một số dụng cụ gia công cơ khí bằng	4	2		

		<i>pháp gia công cơ khí bằng tay</i>	tay. Thông hiểu: - Mô tả được các bước thực hiện một số phương pháp gia công vật liệu bằng dụng cụ cầm tay.				
Tổng				16 (4đ)	12 (3đ)	1 (2đ)	1 (1đ)

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1. Có mấy khổ giấy chính được dùng trong bản vẽ kỹ thuật?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 2. Đâu là tỉ lệ thu nhỏ, trong các tỉ lệ sau?

A. 1:2. B. 1:1. C. 5:1. D. 2:1.

Câu 3. Nét cơ bản nào dưới đây **không được** sử dụng trong các bản vẽ kỹ thuật ?

A. Nét liền đậm. B. Nét đứt mảnh. **C. Nét thanh.** D. Nét liền mảnh.

Câu 4. Hình chiếu đứng có hướng chiếu từ :

A. trên xuống. B. dưới lên. C. trái sang. D. trước tới.

Câu 5. Khối nào trong các khối dưới đây là khối đa diện?

A. Khối trụ. B. Khối chóp đều. C. Khối nón. D. Khối cầu.

Câu 6. Khi vẽ hình chiếu vuông góc của vật thể thì hình chiếu bằng ở vị trí .

A. bên phải hình chiếu đứng. B. bên trái hình chiếu đứng.

C. dưới hình chiếu đứng. D. trên hình chiếu đứng.

Câu 7. Hình chiếu bằng của hình cầu là hình gì?

A. hình tam giác cân. B. hình tròn. C. hình tam giác đều. D. hình vuông.

Câu 8. Trong bản vẽ chi tiết thường có nội dung là

A. bảng kê. B. phân tích chi tiết. C. khung tên. D. tổng hợp.

Câu 9. Quy trình đọc bản vẽ chi tiết trải qua mấy bước

A. 4. B. 5. C. 6. D. 3.

Câu 10. Bản vẽ lắp là tài liệu kỹ thuật nhằm diễn tả hình dạng, kết cấu chung của một sản phẩm và vị trí tương quan, cách thức lắp ghép giữa....

A. chế tạo và kiểm tra một chi tiết máy. B. các chi tiết của sản phẩm.

C. vận hành và kiểm tra sản phẩm. D. thi công xây dựng ngôi nhà.

Câu 11. Trong bản vẽ lắp **không** có nội dung nào sau.

A. bảng kê. B. tổng hợp. C. yêu cầu kỹ thuật. D. phân tích chi tiết.

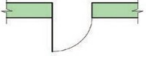
Câu 12. Trong quy trình đọc bản vẽ chi tiết, khi đọc phần yêu cầu kỹ thuật cần đọc nội dung nào?

A. Yêu cầu về gia công, xử lý bề mặt. B. Tên gọi chi tiết, vật liệu chế tạo.

C. Tên gọi các hình chiếu. D. Kích thước các bộ phận.

Câu 13. Để đọc bản vẽ nhà ở cần tuân theo quy trình là

- A. khung tên, hình biểu diễn, kích thước, các bộ phận chính của ngôi nhà.
B. hình biểu diễn, khung tên, kích thước, các bộ phận chính của ngôi nhà.
C. khung tên, các bộ phận chính của ngôi nhà, hình biểu diễn, kích thước.
D. hình biểu diễn, khung tên, kích thước, các bộ phận chính của ngôi nhà.

Câu 14. Kí hiệu  quy ước bộ phận nào trong ngôi nhà ?

- A. Cửa đi bốn cánh. B. Cửa đi một cánh. C. Cửa sổ đơn. D. Cầu thang trên mặt đất.

Câu 15. Khi đọc bản vẽ nhà, sau khi đọc nội dung ghi trong khung tên ta cần làm gì ở bước tiếp theo?

- A. Phân tích hình biểu diễn. B. Phân tích kích thước của ngôi nhà.
C. Xác định kích thước của ngôi nhà. D. Xác định các bộ phận của ngôi nhà.

Câu 16. Phần hình biểu diễn trong trình tự đọc bản vẽ nhà gồm nội dung nào?

- A. Các hình chiếu, hình cắt. B. Tên sản phẩm, tỉ lệ bản vẽ, nơi thiết kế.
C. Tên gọi các hình biểu diễn của ngôi nhà. D. Tên gọi các chi tiết, số lượng, vật liệu.

Câu 17. Vật liệu phi kim loại được sử dụng phổ biến trong cơ khí là

- A. Đồng. B. Nhôm. C. Chất dẻo. D. Kẽm.

Câu 18. Trong các kim loại sau, đâu không phải kim loại màu?

- A. Nhôm B. Đồng C. Sắt. D. Kẽm.

Câu 19. Để phân biệt được gang và thép thì cần dựa vào yếu tố nào?

- A. Tỉ lệ đồng. B. Tỉ lệ nhôm. C. Tỉ lệ kẽm. D. Tỉ lệ carbon.

Câu 20. Chất dẻo nhiệt có tính chất là

- A. Dễ gia công. B. Có thể tái chế được.
C. Nhiệt độ nóng chảy thấp. D. cả 3 đáp án trên.

Câu 21. Cao su thường có mấy loại

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 22. Trong các kim loại dưới đây, kim loại nào là kim loại đen ?

- A. gang. B. đồng. C. nhôm. D. kẽm.

Câu 23. Một dạng gia công thô nguội dùng cửa tay để cắt các tấm kim loại dày, phi kim loại dạng tròn, dạng định hình là phương pháp gia công...

- A. đục. B. dũa. C. đo và vạch dấu. D. cắt kim loại bằng cửa tay.

Câu 24. Quy trình thực hiện các thao tác cắt kim loại bằng tay trái qua mấy bước?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 25. Trong quá trình thực hiện các thao tác cắt kim loại bằng cửa tay thì kẹp chặt phôi trên ê tô, vị trí cách mặt bên của ê tô khoảng
A. 10 - 20mm. **B. 20 – 30mm.** C. 30 – 40 mm. D. 40 – 50mm.

Câu 26. Khi cửa để đảm bảo an toàn thì người thợ cần sử dụng , dụng cụ bảo hộ nào?
A. Kính. B. Ba lô. C. dép lê D. Túi xách.

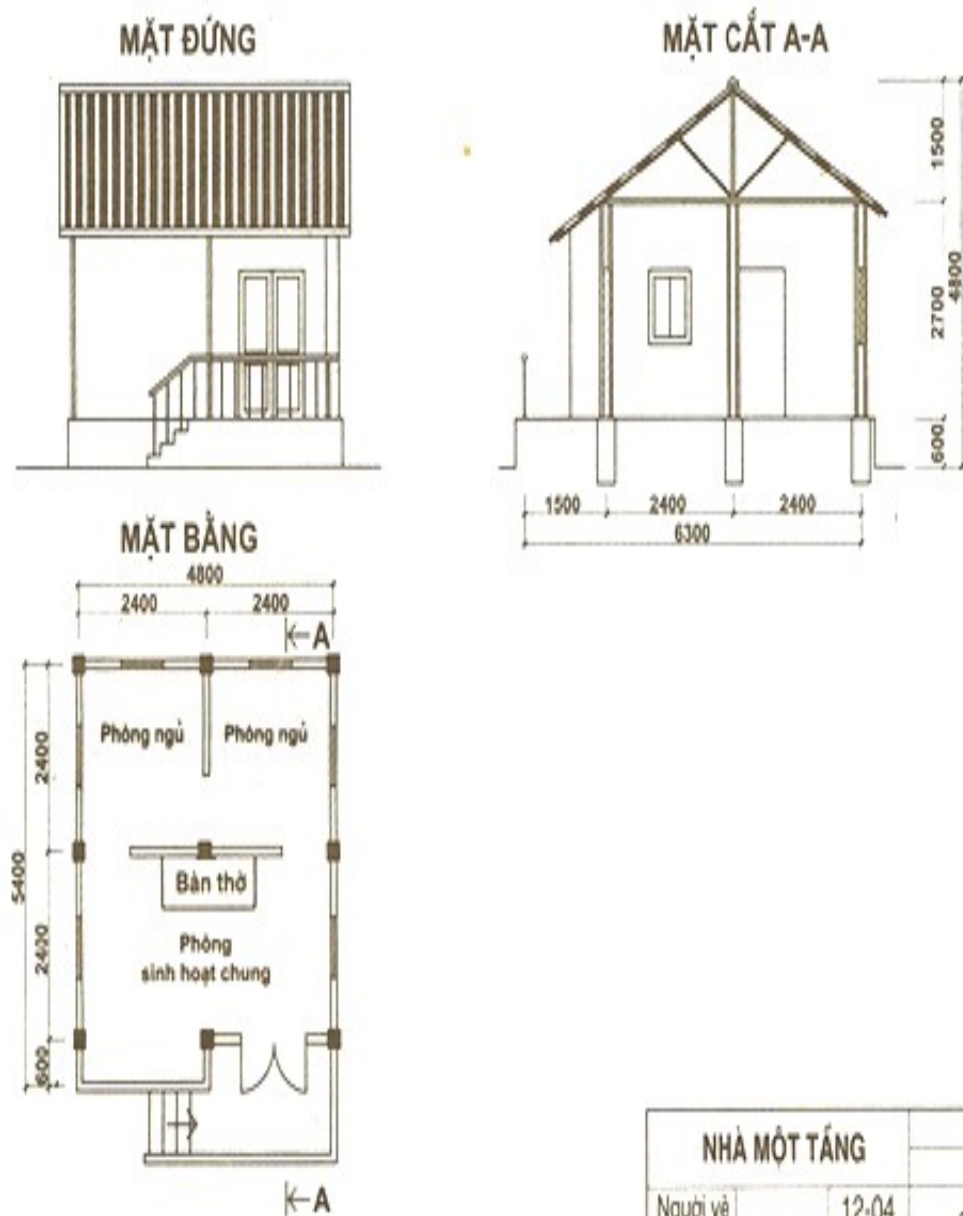
Câu 27. Tư thế đứng cửa là người đứng thẳng, hai chân hợp với nhau thành một góc khoảng bao nhiêu độ?
A. 75 độ. B. 80 độ. C. 85 độ. D. 90 độ.

Câu 28. Trong các bộ phận dưới đây, bộ phận nào **không phải** là cấu tạo của cửa tay?
A. Khung cửa. B. Lưỡi cửa. **C. Mũi cửa.** D. Tay nắm.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm). Kể tên các vật dụng làm từ vật liệu cơ khí được sử dụng gia đình em và gọi tên các vật liệu đó (có từ 4 loại vật liệu khác nhau)

Câu 2 (2,0 điểm). Cho bản vẽ nhà dưới đây



NHÀ MỘT TẦNG		Tỉ lệ	Bản số
		1:100	15.01
Người vẽ	12-04	Công ti Xây dựng 1	
Kiểm tra	12-04		

Em hãy trình bày trình tự đọc bản vẽ nhà trên

Hết

.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS

ĐỀ SỐ 1

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
Môn: Công nghệ 8 CẢNH DIỀU
Năm học 2023 - 2024

I. TRẮC NGHIỆM: 7,0 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	D	D	B	C	B	B	C	C	D	A	C	A	A	B
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	C	D	C	B	B	C	B	D	C	A	A	A	A	A

II. TỰ LUẬN: 3,0 điểm

Đáp án	Điểm
Câu 1. - Chảo: gang. - Lõi dây điện: đồng. - Đế giày: cao su. - Rổ, rá: chất dẻo nhiệt.	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 2. 1. Khung tên: - Nhà mái bằng - 1 : 100 - Công ty xây dựng số 1 2. Hình biểu diễn: - Mặt đứng, mặt cắt, mặt bằng	0,2 0,2 0,1 0,2

- Vị trí: Mặt đứng ở vị trí hình chiếu đứng, mặt bằng ở vị trí hình chiếu bằng, mặt cắt ở vị trí hình chiếu cạnh.	0,2
3. Kích thước:	
- 6300 x 5400 x 4800	0,1
- Phòng sinh hoạt chung: 2400 mm x 4800 mm	0,1
- Phòng ngủ 1: 2400 mm x 4800 mm	0,1
- Phòng ngủ 2: 2400 mm x 4800 mm	0,1
- Hành lang: 2400 mm x 600 mm	0,1
4. Các bộ phận:	
- 3 phòng	0,2
- Cửa đi: 1; cửa sổ: 6	0,2
- 6 cửa sổ đơn 2 cánh, 1 cửa đi hai cánh.	0,2